

Bản án số: 29/2021/HS-ST  
Ngày 02-02-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,  
T PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Duy Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

Bà Trần Thị Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, T phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, T phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Mạnh Sỹ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, T phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn T**, sinh năm 1979 tại Thanh Hóa.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị T1; không có vợ; tiền án: không; tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 11/09/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại:**

- Ông **Trịnh Văn C**, sinh năm: 1963; (có mặt)

- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1963; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã Đ, huyện E, tỉnh Trà Vinh.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **Trịnh Văn Cà Đ**, sinh năm: 1984; Địa chỉ: ấp D, xã Đ, huyện E, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 08/7/2006, T đi xe đạp đến chơi tại phòng trọ của gia đình anh Đ thuê ở địa chỉ C18, xã F, huyện G. Tại đây, T được mời ở lại ăn uống cùng với anh Đ, ông Trịnh Văn C (bố của Đ) và anh Nguyễn Văn K. Trong lúc ăn uống, T nhìn thấy anh Đ tháo sợi dây chuyền vàng đeo trên cổ mình ra đưa cho bà Nguyễn Thị H (mẹ của Đ) cất vào túi quần Jeans treo trên tường nên sau khi ăn uống xong T xin ngủ lại nhà ông C để lợi dụng sơ hở lấy trộm tài sản. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, khi mọi người trong nhà ông C đã ngủ thì T thức dậy lục túi sau quần Jeans treo trên tường lấy 01 gói giấy bên trong có: nhẫn vàng 24K trọng lượng 04 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 03 chỉ và 02 sợi dây chuyền vàng 18K, mỗi sợi có trọng lượng 03 chỉ của ông Trịnh Văn C. Sau đó, T cất tài sản lấy được vào túi áo rồi gọi anh Đ dậy mở cửa để T đi về rồi đón xe khách về nhà ở ấp 3, xã Gia Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, sau đó T bán 01 nhẫn vàng 24K, trọng lượng 04 chỉ và 02 sợi dây chuyền vàng 18K, mỗi sợi trọng lượng 03 chỉ cho một tiệm vàng (không rõ địa chỉ) được số tiền 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng, còn 01 sợi dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 03 chỉ T giữ lại đeo. Đến ngày 10/7/2006, ông C nghi ngờ T lấy trộm tài sản của mình nên đến nhà của T tại ấp 3, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai thì thấy T đang đeo sợi dây chuyền của mình trên cổ nên giữ T và trình báo Công an xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Công an xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai lập hồ sơ ban đầu, tạm giữ vật chứng. Sau đó, Công an xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai chuyển hồ sơ vụ việc và vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, T phó Hồ Chí Minh để điều tra xử lý.

Ngày 29/12/2006, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, do T bỏ trốn nên bị truy nã. Đến ngày 11/09/2020 T bị Công an xã H, huyện I, tỉnh Long An bắt theo lệnh truy nã và bàn giao T cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh xử lý theo thẩm quyền.

Tại Công văn số 339/HĐĐGTTTHS- TCKH ngày 23/8/2006 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Chánh kết luận:

- 01 sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 03 chỉ, trị giá 3.510.000 (ba triệu năm trăm mười nghìn) đồng.

Tại Công văn số 217/HĐĐGTTTHS-TCKH ngày 08/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Chánh kết luận:

- 01 nhẫn vàng 24K trọng lượng 04 chỉ, trị giá 4.782.400 (bốn triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm) đồng.

- 02 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng mỗi sợi 03 chỉ, tổng giá trị 4.998.000 (bốn triệu chín trăm chín mươi tám nghìn) đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 13.290.400 (mười ba triệu hai trăm chín mươi nghìn bốn trăm) đồng.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng thu giữ: 01 sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 03 chỉ.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, T phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh xác định đề nghị truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Về dân sự: yêu cầu bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng.

- Bị hại ông Trịnh Văn C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, ông Trịnh Văn C khai ngày 08/7/2006 ông bị mất trộm 02 chiếc nhẫn vàng 24K trọng lượng mỗi chiếc 04 chỉ, 04 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 03 chỉ mỗi sợi, 01 sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 03 chỉ và 04 mặt dây chuyền vàng 18K trọng lượng 03 chỉ mỗi mặt. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T chỉ thừa nhận ngày 08/7/2006, T đã lấy trộm 01 nhẫn vàng 24K trọng lượng 04 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 03 chỉ và 02 sợi dây chuyền vàng 18K, mỗi sợi có trọng lượng 03 chỉ của ông Trịnh Văn C, bà Nguyễn Thị H tại phòng trọ địa chỉ C18, xã F, huyện G, T phố Hồ Chí Minh. Các tài sản khác không thu giữ được và bị hại cũng không xuất trình được hóa đơn chứng từ nên không đủ cơ sở xác định tài sản còn lại là bị T chiếm đoạt. Như vậy có căn cứ, T đã lén lút lấy trộm 01 nhẫn vàng 24K trọng lượng 04 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 03 chỉ và 02 sợi dây chuyền vàng 18K, mỗi sợi có trọng lượng 03 chỉ của ông Trịnh Văn C, bà Nguyễn Thị H.

[2] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 08/7/2006 nên căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 thì Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 để xử lý.

[3] Theo bản kết luận định giá tài sản số 339/HĐĐGTTHS-TCKH ngày 23/6/2006 và kết luận định giá số 217/HĐĐGTTHS-TCKH ngày 08/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Chánh xác định tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn T chiếm đoạt của ông Trịnh Văn C, bà Nguyễn Thị H là 13.290.400 đồng (mười ba triệu hai trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng). Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng hành vi, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ. Khi thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi bị phát hiện, trong thời gian chờ cơ quan chức năng xử lý thì bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho cơ quan điều tra, đây là tình tiết mà Hội đồng xét xử cần lưu ý khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo. Do đó, cần áp dụng mức án thật nghiêm khắc và tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu là thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện tính khoan H của pháp luật.

[6] Về vật chứng vụ án:

[7] 01 sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 03 chỉ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã lập biên bản giao trả cho chủ sở hữu là ông Trịnh Văn C nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] 01 nhẫn vàng 24K trọng lượng 04 chỉ, 02 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng mỗi sợi 03 chỉ không thu hồi được.

[9] Về dân sự: Buộc bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng cho ông Trịnh Văn C, bà Nguyễn Thị H.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản

2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, xử lý vật chứng vụ án, một phần khung hình phạt đối với bị cáo và chấp nhận đề nghị của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[12] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13;

Căn cứ khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/09/2020.

Về vật chứng : Ghi nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã xử lý xong

Về dân sự: buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng cho ông Trịnh Văn C, bà Nguyễn Thị H ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo án tuyên thì bị cáo phải trả thêm lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí : Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo : Bị cáo, ông C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt được quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- |                                |     |
|--------------------------------|-----|
| - TAND TPHCM;                  | (1) |
| - VKSND TPHCM;                 | (1) |
| - VKSND huyện Bình Chánh;      | (1) |
| - CA huyện Bình Chánh;         | (2) |
| - Chi cục THADS H. Bình Chánh; | (1) |
| - PV 06 - Công an TPHCM;       | (1) |
| - Sở tư pháp TPHCM;            | (1) |
| - Bị cáo;                      | (1) |
| - Đương sự                     | (3) |
| - Lưu;                         | (3) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Duy Linh**

